VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam

Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019;

Thông tư số 30/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022;

Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2022.

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.[1]

---

[1] Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam."

Thông tư số 30/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP *ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT *ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam."*

Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP *ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo thuộc vùng biển Việt Nam, bao gồm các quy định về cảng, bến, phương tiện, thuyền viên và hoạt động vận tải thủy trên tuyến.

Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo thuộc vùng biển Việt Nam bao gồm các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này và các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo được công bố theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.

Điều 2. Trách nhiệm quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

1. Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức quản lý hoạt động vận tải thủy trên tuyến quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này theo quy định của pháp luật hàng hải và giao thông đường thủy nội địa.

2. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức quản lý hoặc kiểm tra, hướng dẫn các Sở Giao thông vận tải tổ chức quản lý đối với các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo được công bố theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

Điều 3. Thủ tục đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

Thủ tục đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này được thực hiện như sau:

1.[2] Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến cảng vụ hàng hải khu vực hoặc gửi trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hồ sơ đăng ký vận tải hành khách cố định, hồ sơ gồm:

a) Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải."

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2022.

b) Ý kiến thống nhất bằng văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức quản lý cảng, bến cho phương tiện vào đón, trả hành khách;

c) Các bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, trong đó có nội dung ngành nghề vận tải hành khách đường thủy; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện còn hiệu lực và phù hợp với tuyến hoạt động.

2. Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cảng vụ hàng hải khu vực gửi xin ý kiến bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải nơi có cảng, bến đón trả khách do địa phương quản lý. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc.

3.[3] Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cảng vụ hàng hải khu vực xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì có văn bản chấp thuận gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân vận tải khách cố định trên tuyến. Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và trả lời nêu rõ lý do.

Điều 4. Điều kiện, thẩm quyền, thủ tục công bố mở, đóng cảng, bến thuộc tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

Điều kiện, thẩm quyền, thủ tục công bố đóng, mở cảng, bến thuộc tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo được thực hiện theo quy định pháp luật hàng hải đối với cầu, bến, cảng biển và theo quy định pháp luật đường thủy nội địa đối với cảng, bến thủy nội địa.

Điều 5. Thủ tục phương tiện vào, rời cảng, bến

1. Thủ tục phương tiện vào, rời cảng biển được thực hiện theo quy định của pháp luật hàng hải.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2022.

2. Thủ tục phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa được thực hiện theo quy định của pháp luật giao thông đường thủy nội địa.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp[4]

Cảng, bến trên tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn phải đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành trước ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Điều 7. Hiệu lực thi hành[5]

---

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

[5] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 quy định như sau:

"**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

2. Bãi bỏ Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 30/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 quy định như sau:

*"***Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2022 quy định như sau

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013 và thay thế Quyết định số 1818/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 28/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

"**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2022.

2. Bãi bỏ Thông tư số 48/2018/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm."

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1[6]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

DANH MỤC CÁC TUYẾN VẬN TẢI THỦY TỪ BỜ RA ĐẢO TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

TT	TÊN TUYẾN	THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH, THÀNH PHỐ	CẤP ĐĂNG KIỂM	GHI CHÚ
1.	Hải Hà - Đảo Trần - Cô Tô	Quảng Ninh	Phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
2.	Hải Phòng - Bạch Long Vĩ	Hải Phòng	Tàu biển từ Cấp hạn chế II trở lên	
3.	Cửa Việt - Cồn Cỏ	Quảng Trị	Phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
4.	Đà Nẵng - Hoàng Sa	Đà Nẵng	Tàu biển cấp không hạn chế	
5.	Sa Kỳ - Lý Sơn	Quảng Ngãi	Phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
6.	Khánh Hòa - Trường Sa	Khánh Hòa	Tàu biển cấp không hạn chế	

[6] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 30/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

TT	TÊN TUYẾN	THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH, THÀNH PHỐ	CẤP ĐĂNG KIỂM	GHI CHÚ
7.	Nha Trang - Hòn Nội	Khánh Hòa	Phương tiện thủy nội địa cấp VR- SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
8.	Phan Thiết - Phú Quý	Bình Thuận	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
9.	Vũng Tàu - Côn Đảo	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
10.	Trần Đề - Côn Đảo	Sóc Trăng	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
11.	Trần Văn Thời - Hòn Chuối	Cà Mau	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
12.	Rạch Giá - Thổ Châu	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
13.	Rạch Giá - Nam Du	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
14.	Rạch Giá - Phú Quốc	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	Gồm 05 tuyến từ Rạch Giá đến Hàm Ninh, An Thới, Bãi Vòng, Dương Đông, Vịnh Đầm (Phú Quốc)
15.	Kiên Lương - Phú Quốc	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên (đối với tàu khách); phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên (đối với tàu hàng)	Gồm 05 tuyến từ Hòn Chông đến Hàm Ninh, An Thới, Bãi Vòng, Dương Đông, Vịnh Đầm (Phú Quốc)

TT	TÊN TUYẾN	THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH, THÀNH PHỐ	CẤP ĐĂNG KIỂM	GHI CHÚ
16.	Hà Tiên - Phú Quốc	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên (đối với tàu khách); phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên (đối với tàu hàng)	Gồm 7 tuyến từ Hà Tiên đến Hàm Ninh, Gành Dầu, An Thới, Bãi Vòng, Dương Đông, Vịnh Đầm, Đá Chồng (Phú Quốc)
17.	Phú Quốc - Thổ Châu	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
18.	Nam Du - Phú Quốc	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	Gồm 04 tuyến từ Nam Du đến Dương Đông, An Thới, Vịnh Đầm, Bãi Vòng (Phú Quốc)
19.	Cần Thơ - Côn Đảo	Cần Thơ/Bà Rịa - Vũng Tàu	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
20.	Khai Long - Hòn Khoai	Cà Mau	Phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
21.	Năm Căn - Hòn Khoai	Cà Mau	Phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
22.	Năm Căn - Hòn Chuối	Cà Mau	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
23.	Năm Căn - Phú Quốc	Cà Mau/ Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	

TT	TÊN TUYẾN	THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH, THÀNH PHỐ	CẤP ĐĂNG KIỂM	GHI CHÚ
24.	Năm Căn - Nam Du	Cà Mau/ Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
25.	Năm Căn - Thổ Châu	Cà Mau/ Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
26.	Sông Đốc - Thổ Châu	Cà Mau/ Kiên Giang	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	
27.	Sông Đốc - Phú Quốc	Cà Mau/ Kiên Giang	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	
28.	Sông Đốc - Nam Du	Cà Mau/ Kiên Giang	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	
29.	Khai Long - Phú Quốc	Cà Mau/ Kiên Giang	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	
30.	Đà Nẵng - Lý Sơn	Đà Nẵng/ Quảng Ngãi	Phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
31.	Thành phố Hồ Chí Minh - Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh/ Bà Rịa - Vũng Tàu	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	
32.	Cửa Tùng - Cồn Cỏ	Quảng Trị	Phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
33.	Vịnh An Hòa - Lý Sơn	Quảng Nam/ Quảng Ngãi	Phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
34.	Cửa Đại - Lý Sơn	Quảng Nam/ Quảng Ngãi	Phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BẢN ĐĂNG KÝ
Hoạt động vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

Kính gửi:.....

- Tên doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh):.....
- Địa chỉ giao dịch:.....
- Số điện thoại:.....; Fax/email:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... ngày.....
- Cơ quan cấp:.....

Đăng ký hoạt động vận tải khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo với các nội dung sau:

1. Các tuyến hoạt động:

- Tuyến 1: từ..... đến.....

(Các tuyến khác ghi tương tự)

2. Số lượng phương tiện hoạt động trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: Phương tiện 1 (tên phương tiện, số đăng ký)....., trọng tải:..... (ghế)

(Các phương tiện khác ghi tương tự)

3. Lịch chạy tàu trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: + Có..... chuyến/ngày (tuần); xuất phát tại:..... vào các giờ (hoặc vào ngày nào trong tuần):.....

+ Các cảng, bến đón, trả hành khách trên tuyến:.....

(Các tuyến khác ghi tương tự)

4. Giá vé hành khách trên mỗi tuyến vận tải:.....

5. Thời hạn hoạt động:.....

6. Cam kết: Doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật.

Đại diện doanh nghiệp
(hộ hoặc cá nhân kinh doanh)
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng